TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **96**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Bích V, sinh năm 1991, số Căn cước công dân: 006191005089. Địa chỉ: Thôn V, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn H, sinh năm 1990, số Căn cước công dân: 006090002774. Địa chỉ: Thôn L, xã H, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2026;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Bích V và anh Triệu Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Bích V và anh Triệu Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các bên đương sự: Giao 01 con chung là Triệu Hạo N, sinh ngày 28/01/2012 (con chung khoẻ mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Trần Bích V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung Triệu Hạo N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích cần thiết của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí: Chị Trần Bích V tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000852 ngày 21/9/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Trả lại cho chị Trần Bích V số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 8 - Thái Nguyên
- UBND xã Ngân Sơn, tỉnh Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN

Võ Thanh Bình